

Bản án số: **17/2026/HNGĐ – ST**

Ngày 12/02/2026

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Anh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nguyệt và bà Cao Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị An – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Nghệ An tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Trong ngày 12 tháng 02 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2025/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 về “*Tranh chấp ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2026/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hà Ngọc L, sinh năm 1946. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn D Đ, xã A, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Khôi Q, phường T, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Hà Ngọc L trình bày: Ông L và bà H có đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại UBND xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An (Nay là xã A, tỉnh Nghệ An). Hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc với nhau chưa đầy một năm, sau đó xảy ra mâu thuẫn về tình cảm nên đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân

nhau thì không ai liên lạc, quan tâm, hỏi han gì đến nhau. Nay ông L thấy không còn tình cảm với bà H nữa và yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông L và bà H không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông L không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án thì bà H đi trông con cho con ở Hà Nội không về được, đến ngày 22/01/2026 bà Nguyễn Thị H đến Toà án trình bày: Bà H và ông L có đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại UBND xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An (Nay là xã A, tỉnh Nghệ An). Hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc được sáu tháng, sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L sống gia trưởng, bảo thủ. Bà H và ông L sống ly thân từ tháng 6 năm 2023 đến nay, trong thời gian sống ly thân nhau thì không ai liên lạc, quan tâm, hỏi han gì đến nhau. Bà H không còn tình cảm với ông L nên ông L yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn thì bà H đồng ý.

Về con chung: Bà H và ông L không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bà H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt bà trong quá trình giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết yêu cầu của ông L.

2. Về thủ tục tố tụng: Ông L và bà H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L và bà H theo quy định tại Điều 228 – Bộ luật Tố tụng Dân sự.

3. Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Ngọc L và bà Nguyễn Thị H có mối quan hệ hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân nhau thì không ai liên lạc, quan tâm, hỏi han gì đến nhau. Xét thấy tình cảm của cả hai bên đều không còn nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Hà Ngọc L là được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

4. Về quan hệ con chung: Ông L và bà H không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về quan hệ tài sản: Ông L và bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/20106 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông L là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, điều 147, Điều 228 – Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/20106 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Hà Ngọc L là được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

2. Về nuôi con chung: Ông Hà Ngọc L và bà Nguyễn Thị H không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Ông Hà Ngọc L và bà Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Ông Hà Ngọc L là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên căn cứ vào điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/20106 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí cho ông Hà Ngọc L.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND Khu vực 8 – Nghệ An;
 - Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
 - TAND tỉnh Nghệ An;
 - VKSND tỉnh Nghệ An;
 - UBND xã Anh Sơn, tỉnh Nghệ An
- (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Anh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nguyệt

Cao Thị Hằng

Lương Anh Xuân